TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 66/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 9 – 2017
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thủy
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Tài
Ông Trịnh Văn Đoan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Long– Thư ký tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa: Nguyễn Hữu Hùng **-** Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 135/2017/TLST- HNGĐ ngày 26/4/2017 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/9/2017, quyết định hoãn phiên toà số: 26/QĐST-HPT ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản giữa các đương sự:

*Nguyên đơn***:** Bà **Đoàn Thị L**, sinh năm 1980 (Có mặt)
Địa chỉ: Ô 6, ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

*Bị đơn***:** Ông **Trần Văn D**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ô 6, ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Tạm trú tại: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Đoàn Thị L trình bày:

Bà L và ông D chung sống với nhau từ năm 1996, đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương, theo giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 11 tháng 11 năm 2003. Ông bà chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do ông D không có trách nhiệm với gia đình, hay uống rượu, không lo phụ giúp vợ chăm lo cho các con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Từ năm 1996 đến năm 2014 ông bà sống chung tại xã xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, ông D đã bỏ địa phương đến sống tại xã T, huyện H, Bình Phước đến nay. Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D.

Quá trình chung sống ông D và bà L có 02 con chung là Trần Văn D, sinh ngày 09/4/1997; Trần Thị Thanh V, sinh ngày 18/8/2000. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con Trần Thị Thanh V do con chưa đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai đương sự tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Kèm theo đơn khởi kiện bà L đã cung cấp cho Tòa án trích lục kết hôn để làm căn cứ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/7/2017 ông Trần Văn D trình bày:

Ông D trình bày thống nhất như bà L về thời gian đăng ký kết hôn, về con chung, về vấn đề tài sản chung, nợ chung. Về quá trình chung sống của vợ chồng, ông D thừa nhận ông và bà L có mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nguyên nhân do làm ăn thua lỗ, sau khi phát sinh mâu thuẫn thì ông D và bà L đã không còn chung sống với nhau. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông D không đồng ý vì ông bà đã lớn tuổi, các con đều đã lớn và ông còn tình cảm với vợ.

Quá trình giải quyết vụ án ông D không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiến nghị: Không.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1, Điều 56, 81 Luật hôn nhân gia đình, đề xuất Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Đoàn Thị L được ly

hôn với ông Trần Văn D. Do con có nguyện vọng ở với mẹ nên đề nghị giao con chung Trần Thị Thanh V, sinh ngày 18/8/2000 cho bà Đoàn Thị L nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đoàn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn D hiện cư trú tại ấp T, xã T, huyện H. Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 15/9/2017 Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản đã mở phiên toà lần thứ nhất, ông D vắng mặt tại phiên tòa. Tại phiên toà hôm nay ông D vẫn không tham gia nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D với lý do ông D không có trách nhiệm với gia đình, không lo phụ giúp chăm sóc các con, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, ông D còn đánh đập bà L. Quá trình giải quyết vụ án ông D cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau.

Ông D không đồng ý ly hôn vì ông còn tình cảm với vợ. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 18/8/2017 tại công an xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, nơi ông D và bà L chung sống thể hiện quá trình chung sống ông D và bà L có phát sinh nhiều mẫu thuẫn kéo dài, chính quyền địa phương đã can thiệp hòa giải nhiều lần nhưng không được, ngày 05/3/2017 ông D đánh đập bà L đã bị công an xã T xử phạt hành chính số tiền 1.750.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy: mục đích của hôn nhân là việc vợ chồng yêu thương nhau, cùng chăm lo cho gia đình và có cuộc sống hạnh phúc, quá trình chung sống ông D và bà L có nhiều mâu thuẫn không thể hoà hợp, hiện nay ông bà đã không còn sống chúng với nhau, bà L kiên quyết xin ly hôn nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

[4] Về con chung: Con chung là Trần Văn D, sinh ngày 09/4/1997 đã thành niên nên không giải quyết. Khi ly hôn bà L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Trần Thị

Thanh V. Tại biên bản ngày 25/7/2017 cháu Vân có nguyện vọng được ở với mẹ. Ông D không có yêu cầu gì đối với con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Vân cho bà L nuôi dưỡng. Do bà L không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tài sản chung tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Bà Đoàn Thị L ly hôn với ông Trần Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 81, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là B), tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/11/2003 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Giao con chung Trần Thị Thanh V, sinh ngày 18/8/2000 cho bà Đoàn Thị L nuôi dưỡng, ông D không cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Đoàn Thị L chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005393 ngày 20/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản
- Nơi ĐKKH
- Các đương sư;.
- THADS huyện Hớn Quản
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Thủy